

# Lại Nói Chuyện Đường Thi.

01 – 146 (156).

## (KỶ 2)

Nói về đất Dương Châu thì không thể không nói tới Trịnh Tiệp (1693 - 1765).

Người ta kể rằng có lần Trịnh Bản Kiều thơ thần *tới* viếng cảnh **Chùa Kim Sơn** tại Phủ Trấn Giang tỉnh Giang Tô. Chẳng biết ông là ai, lại thấy ông ăn bận giản dị, xuề xòa, có phần lôi thôi, phương trượng có vẻ coi thường, ông ta nói cộc lốc với khách:

~ **Tọa!**

Và dạy qua chú tiểu:

~ **Trà!**

**Sau** một lúc nói chuyện, thấy vị khách này nói năng **bất phàm**, phương trượng vội đưa khách qua phòng bên và nói:

~ **Thỉnh tọa.**

Và gọi chú tiểu:

~ **Kính trà.**

Nói chuyện lúc nữa, phương trượng mới té ngựa, biết ra người khách trước mặt không **ai** khác hơn **là** Trịnh Tiệp, một **Thư pháp gia**, một **Họa gia**, một **Thi nhân** rất tiếng tăm thời đó, là một trong tám người Quái lạ đất Dương Châu (Dương Châu Bát Quái), và là **người** đứng đầu “8 người quái lạ” này, nói khác đi Trịnh Tiệp là người quái lạ nhất trong 8 người này!

Một lần nữa, phương trượng vội vàng mời Bản Kiều qua phòng phương trượng, rồi rít nói:

~ **Thỉnh thượng tọa!** (Xin mời ngồi lên trên!).

Và hỏi chú tiểu:

~ **Kính hương trà!** (Pha trà ngon mời!).

Và, sau đó, chuyện đã dứt, phương trượng khẩn khoản yêu cầu Trịnh Bản Kiều đề cho một vài giòong lưu niệm, Bản Kiều viết luôn:

~ **Tọa, thượng tọa, thỉnh thượng tọa / Trà, kính trà, kính hương trà.**

([Tham khảo](#)):

**Trung Quốc Trà Sự Đại Điển.** Nghệ văn. Điển cố. Trịnh Bản Kiều trà đối).

Cũng hơi quê, nhưng *có được* một trong 3 cái Tuyệt [**Tam Tuyệt**] của Bản Kiều cũng là hân hạnh lắm!).

2 tiếng “**Đại Điển**” trong tựa Sách dẫn trên là tiếng viết tắt của “**Đại Từ Điển**”.

Người Trung Hoa rất hay nói tắt, viết tắt, chẳng hạn:

~ “**Sư Đại**” = “**Sư Phạm Đại Học**”; và “**Bắc Sư Đại**” tức “**Bắc Kinh Sư Phạm Đại Học**” .....

**Thi, Thư, Họa** của Trịnh Bản Kiều đương thời được xưng là “**Tam Tuyệt**”.

Ngoài ra nữa, đôi lúc Trịnh Tiệp cũng khắc con dấu (Ấn), nét khắc mộc mạc, cổ nhả.

Ông tên Tự là **Khắc Nhu**, tên Hiệu là **Bản Kiều**, người huyện Hưng Hóa, tỉnh Giang Tô.

Trịnh Tiệp sưu tập rất nhiều **Bia** các đời **Hán, Bắc Ngụy** và chuyên tâm học **Thư pháp** trên những tấm **Bia cổ** này. Chữ khắc trên **Bia** đời **Hán** chủ yếu là **Lệ thư**, *trong khi đó* **Bia** triều **Bắc Ngụy**, chủ yếu là **Khải thư**, Trịnh Tiệp đã *dùng hợp* 2 Thư thể kể trên *để* hoặc **Khải thư** là chủ thể dung hợp **Lệ thư**, hoặc **Lệ thư** là chủ thể, nhập **Khải thư** mà thành một Thể mới. **Thư thể** này đương thời được mệnh danh là “**Bản Kiều thể**”, hoặc còn gọi là “**Lục Phân Bán Thư**”, hay “**Chân Lệ Tương Tham**”.

Tác phẩm đầu tiên, đồng thời cũng là tác phẩm tiêu biểu cho **Thư thể** nói trên, *viết* vào năm 1752, là bài “**Tân Tu Thành Hoàng Miếu Bi Ký**” – **Thư thể chủ** ở đây là **Khải thư** tham nhập Bút pháp **Lệ thư**, và luôn cả **Triện thư**.

Kết quả là **Khải thư** của Trịnh Tiệp trong Bài “**Ký**” kể trên rồi không phải là **Khải thư** của triều **Bắc Ngụy**, không phải là **Khải thư** thời **Đường** – và *gần nữa*, cũng không phải là **Khải thư** đương thời, tức đời Thanh.

5 năm sau nữa – năm 1757, đến tác phẩm “**Từ Khánh Quân Mô Cô Thi Trục**” thì **thể Lục Phân Bán Thư** của Trịnh Tiệp đạt tới độ viên mãn.

Như *đã biết*, trước hết **Trịnh Bản Kiều** là một **Họa gia**, *đề từ căn bản* này ông đã đưa **Hội họa** nhập **Thư pháp**, tạo cho Thư pháp một nét nghệ thuật độc đáo.

Tóm lại, Trịnh Tiệp *tổng hợp* 4 thể *Chân, Thảo, Triện, Lệ*, lấy *Chân thư, Lệ thư* là chủ đề từ đó sáng tạo một Thư thể mới, kế đến ông vận dụng *Bút pháp Hội họa* để viết ra.

***Có thể nói đây là một sự kiện độc nhất vô nhị trong suốt giòng Lịch sử Thư pháp Trung Quốc.***

([Tham khảo](#):

***Trung Quốc Cổ Đại Thư Pháp Sử.***

Đệ tứ Chương. Thự tình dương lý.

Đệ tam tiết. Bi học phái. ***Trịnh Tiệp***).

***Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng.***

***Cố nhân Tây từ Hoàng Hạc Lâu,  
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.  
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,  
Duy kiến Trường giang thiên tế lưu. (Lý Bạch).***

Nẻo tây bạn rời Hoàng Lạc Lâu,  
Sương hoa xuân tận xuống Dương Châu.  
Chiếc buồm bóng thắm giữa trời biếc,  
Chỉ thấy Trường giang trôi thắm mù. [***Minh Di***].

Bài thơ cho biết Mạnh Hạo Nhiên [689 - ~ 740] đi ***Quảng Lăng*** – tức Dương Châu, vào cuối tháng 3, tháng ***cuối xuân*** ~ và Xuân nói ***ở đây*** là mùa Xuân năm thứ 15 Niên hiệu Khai Nguyên (713 - 741), tức năm 727.

Mạnh Hạo Nhiên đi Dương Châu và lưu lại đây cho ***tới cuối năm*** mới trở lại quê nhà ở quận Tương Dương [bây giờ là huyện Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc], ***để*** qua năm sau ra Trường An ứng thí. Không đậu, từ đó ông từ bỏ việc thi cử, sống đời ẩn dật.

Trong tập Nhật ký “***Nhập Thục Ký***”, Lục Du (1125 - 1210) thuật lại việc trên đường vào đất Thục nhiệm chức, tới Hồ Bắc ông dừng ở Vũ Xương đi tìm nền cũ Lầu Hoàng Hạc.

Nhật ký ngày 28 tháng 8 năm thứ 6 Niên hiệu Càn Đạo [1165 - 1173], tức 1170, ông có đoạn viết:

~ Thái Bạch đăng thử Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên thi vân:

***Cô phàm viễn ảnh bích sơn tận,  
Duy kiến Trường giang thiên tế lưu.***

Cái phàm tường ánh viên sơn vuu khả quan, phi giang hành cửu bất năng tri dã!

/ *Nhập Thục*

Ký. Qu. V /.

~ Thái Bạch lên Lầu này làm thơ tiễn Mạnh Hạo Nhiên có câu:

Chiếc buồm xa ánh núi xanh thăm,  
Chỉ thấy Trường giang trôi thăm mù.

Bóng buồm nổi bật giữa núi non xa xa trông hết sức đẹp mắt, *nếu* chẳng là người từng qua lại trên sông lâu ngày thì không thể biết được cảnh này ~.

[Viễn ánh, các bản Đường thi lưu hành hiện nay chép là “viễn ánh”.

Bích sơn, các bản Đường thi hiện nay chép là “bích không”.

Một vài cuốn chú giải Thi tập của Lý Bạch, cũng như tuyển tập chú giải Đường thi cũng dẫn lại đoạn nhật ký trên của Lục Du nhưng 2 chữ “cô phàm” lại ghi “chinh phàm” – tức có nghĩa “cánh buồm xa”].

Sau hết về trích dẫn, câu cuối của bài thất ngôn bát cú *áo thi* “*Khúc Giang*” (bài thứ 2) trong “*Hai bài Khúc Giang*” (*Khúc Giang nhị thủ*) bà Huệ Thu đã trích dẫn sai 1 chữ:

~ Tạm thời tương *tổng* mạc tương vi.

Chữ “*tổng*” sai, chữ đúng là chữ “*thưởng*”.

Chữ “*thưởng*” nghĩa là “thưởng thức, thưởng ngoạn”.

*Tạm thời tương thưởng mạc tương vi.*

*Chỉ* một đoạn ngắn với mấy câu thơ, mấy bài thơ thôi mà bài nào bà Huệ Thu trích dẫn cũng *sai* không một thì hai chữ thì không hiểu bà *đã* trích dẫn theo *cái nhớ* của bà hay bà đã biên chép những sai lầm này ở đâu đó của người khác mà bà không biết?

Kết lại, như đã nói, viết một bài có liên quan Hán văn mà bà Huệ Thu lại không biết ~ ở mức căn bản, thứ văn tự này thì bà có không nhận ra được những *sai lầm* như đã nêu cũng là chuyện dễ hiểu!

Và những bài Đường thi bà Huệ Thu trích dẫn sai vài chữ trên đây lại là những *bài thơ* rất nổi tiếng, được dịch, kể cả chú giải, trong các tập *tuyển dịch Đường thi*, *đáng nói* là chuyện này.

(3). Tiếp đến là *các bài thơ* bà Huệ Thu nêu trong đoạn trên.

Bà Huệ Thu viết:

~ Những câu trích ra trên đây, thất niêm, thất luật lung tung! Lý Bạch lại không biết luật ư? Biết mà vẫn không sửa, không cần sửa, bởi nếu ông ta sửa, câu thơ sẽ mất hay !”.

Tiếp đó, ở đoạn dưới, về bài *Khúc Giang* (Bài thứ 2) của Đỗ Phủ, bà Huệ Thu viết:

~ Câu thứ bảy thất niêm, chữ lưu phải là chữ trắc. Dĩ nhiên Đỗ Phủ thừa biết như vậy. Ông thất niêm cố ý ! Hỏi tại sao ông lại cố ý thì lại là vấn đề khác”.

Ở đây có 2 vấn đề tôi xin hỏi Bà Huệ Thu:

1). Bà Huệ Thu nói là Lý Bạch thất niêm, và nói nếu ông “sửa thì câu thơ sẽ mất hay”.

(a). Vậy thì cái “mất hay” này ở chỗ nào? tức *cái hay* của câu “thất niêm” rồi ở đâu?

(b). Còn nếu không sửa, làm hợp niêm luật, thì cái dở rồi ở chỗ nào?

*Vấn đề* ở đây là *tại sao* câu thơ sẽ hay nếu thất niêm, và “câu thơ sẽ mất hay” nếu giữ đúng niêm luật, đây là những điều mà bà Huệ Thu cần giải thích rõ ra thế nhưng bà đã không giải thích, *không giải thích được thì đúng hơn!*

Hơn nữa, khi *nói rằng* Lý Bạch biết mình gieo 1 chữ thất niêm “mà vẫn không sửa”, và “không cần sửa”, là bà Huệ Thu nói *vớ vẩn!* Vì sao? *Vì lẽ*, trước khi gieo chữ thất niêm Lý Bạch đã chọn chữ thất niêm này, tức ông biết rất rõ đây là chữ thất niêm, nói rõ hơn Lý Bạch đã quyết định chọn chữ (thất niêm) này trước khi đặt nó vào câu thơ. Chỉ cần một thoáng suy nghĩ thôi ai cũng có thể nhìn ra được điều này!

Còn khi, nói như bà Huệ Thu có nghĩa sau khi viết xuống rồi Lý Bạch mới thấy ra được chữ này thất niêm, điều này sai hoàn toàn!

Đây là tôi chưa nói tới một chuyện quan trọng:

++ *Bà Huệ Thu có chắc là Lý Bạch làm Thơ theo Luật thi hay không? Chuyện này tôi sẽ nói ở một đoạn sau.*

2). Bà Huệ Thu nói Đỗ Phủ thất niêm, trong bài “Khúc Giang”, và là “thất niêm cố ý !”.

Với câu này bà Huệ Thu đã hiểu điều tôi vừa nói ở trên:

Cũng như Lý Bạch, Đỗ Phủ đã chọn “một chữ thất niêm” *trước khi* đặt nó vào câu thơ.

Nhưng, chuyện quan trọng ở đây là tại sao Đỗ Phủ lại “cố ý thất niêm!”?  
Không giải thích được nên bà nói lảng “tại sao ông lại cố ý thì lại là vấn đề khác”.

Ngoài ra, về bài “*Anh Vũ Châu*” của Lý Bạch:

1). Câu 3 “Anh Vũ tây phi Lũng sơn khứ”.

~ “*Lũng sơn*” là tên riêng, Bà Huệ Thu không viết Hoa; lỗi này cũng không đáng kể.

2). Nói bài thơ này “thất niêm” thì bà Huệ Thu hãy đọc đoạn sau đây  
Vương Kỳ đời Thanh chú thích bài thơ trên, viết:

~ *Doanh Khuê Luật Tủy*:

– Thái Bạch thử thi, nãi thị *hiệu Thôi Hiệu thể*, giai ư *ngũ, lục* gia công, vĩ cú  
ngụ cảm thán. Thi thời Luật thi do vị thậm câu ngẫu dã!

/ *Lý Thái Bạch Toàn Tập*. Qu. XXI. Anh Vũ Châu /.

~ Cuốn “*Doanh Khuê Luật Tủy*” (viết):

– Bài thơ này của Lý Bạch *bắt chước thể* thức của *Thôi Hiệu*, đều ra sức trau chuốt ở 2 câu 5, 6, câu cuối ngụ ý cảm thán. Lúc bấy giờ Luật thi chưa câu chấp đối ngẫu lắm!

**Minh Di:**

Cuốn “*Doanh Khuê Luật Tủy*” là tuyển tập bình thơ Ngũ ngôn, Thất ngôn *Luật thi* của 2 triều Đường / Tống, Phương Hồi (1227 - 1307) đời Nguyên (1279 - 1368) biên soạn.

Nói “Lúc bấy giờ Luật thi chưa câu chấp đối ngẫu lắm!” tức nói thi nhân không bị *gò bó* về niêm luật – nói rõ hơn, *Luật thi* thời bấy giờ *chưa hẳn* là Luật thi, vẫn còn cái *tự do* thoải mái của *Cổ thi*.

(Về bài “*Hoàng Hạc Lâu*”, ở một đoạn sau tôi có vài giòng về kiến thức *Đường thi* của bà Huệ Thu về bài thơ này, cũng như về “*bài dịch*” của bà).

Trong *Luật thi*, các tiếng *bằng / trắc* đặt không đúng chỗ Thi học Trung Hoa gọi chung là “thất niêm”.

Thấy được những chữ “thất niêm” trong *một bài Luật thi* thì đã là người làm thơ Đường người nào cũng có thể thấy được dễ dàng, không riêng bà Huệ Thu.

*Viết ra một điều mà ai cũng có thể biết được dễ dàng thì viết ra làm chi?*

*Tại sao* những thi nhân như Lý Bạch, Đỗ Phủ lại *có thể* viết ra những chữ “thất niêm”? đây mới là vấn đề, *đây mới là điều người đọc cần biết!*

Hỏi chỉ để hỏi thôi chứ tôi chắc không thể nào bà Huệ Thu trả lời được 2 câu hỏi trên!

– Vì nếu bà biết vấn đề thì bà đã nói ra rồi, có phải vậy không?

Sau đây tôi sẽ dẫn một số thí dụ về “*thất niêm*” trong một vài tập *Thi thoại* của học giả cũng như thi nhân các thời.

*Vấn đề* thi nhân Trung Hoa các thời nói chung, và thời Đường nói riêng, đã không theo đúng luật bằng trắc trong thơ có rất nhiều nguyên nhân.

*Nguy Khánh Chi* (? - ?), ẩn sĩ, thi nhân, khoảng cuối triều Nam Tống (1127 - 1279), đã viết trong tập Thi thoại “*Thi Nhân Ngọc Tiết*”:  
~ *Chiết Yêu thể*.

Vị trung thất niêm nhi ý bất đoạn:

Vị Thành triều vũ áp khinh trần,  
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.  
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,  
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân”.

/ *Thi Nhân Ngọc Tiết*. Qu. II. Thi thể. Hạ /.

Dịch văn:

~ *Thể Chiết Yêu*.

Ý nói trong thơ tuy có chỗ thất niêm nhưng ý không gián đoạn:

Vị Thành mưa sớm, lắng trần ai  
Quán trọ xanh xanh thắm liễu đài.  
Giục ông hãy cạn một ly rượu,  
Tây quá Dương Quan không bạn đây.

[Trường hợp *bài thơ* dẫn trên, trong cuốn “*Đường Đại Thi Học*” của nhóm nghiên cứu ban Biên tập nhà Xuất bản *Chính Trung* (Đài Loan) liệt vào trường hợp “Áo thể”].

Còn có phép gọi là “*Áo cú*”:

~ ..... Kỳ pháp đương hạ bình tự xứ dĩ trắc tự dịch chi, dục kỳ khí đỉnh nhiên bất quân”.

/ *Sđđ*. Quyền thứ, Mục thứ như trên /.

Dịch văn:

~ ..... Lỗi này, chỗ phải hạ chữ có thanh bằng thì thay vào đó chữ có thanh trắc, để cho hơi thơ vút lên trên tất cả”.

[*Minh Di*:

“**Pháp**” này các tiếng **bình / trắc** của chữ thứ 3 và thứ 5 trong câu chuyển đổi qua lại].

Lại còn có “**Thất ngôn biến thể**” không theo đúng cách luật của Luật thi. Về loại “**Thất ngôn biến thể**” này, Hồ Tử (? - ?) thời Nam Tống (1127 - 1279) viết:

~ **Điều Khê Ngự Ẩn** viết:

**Luật thi** chi tác, dụng tự **bình, trắc**, thể cố **hữu định thể**, chúng cộng thủ chi. Nhiên **bất nhược** thời dụng “**Biến thể**”, như Bình chi xuất kỳ, biến hóa vô cùng, dĩ kinh thể hải mục. Như Lão Đổ thi vân:

Trúc lý hành trừ tủy ngọc bàn,  
Hoa biên lập mã tốc kim an.  
Phi quan sứ giả trung cầu cấp,  
Tự thức tướng quân lễ số khoan.  
Bách niên địa tịch sài môn huỳnh,  
Ngũ nguyệt giang thâm thảo các hàn.  
Khán lộng ngư chu di bạch nhật,  
Lão nông hà hữu khánh giao hoan.

Thử Thất ngôn Luật thi chi biến thể dã!

/ **Điều Khê Ngự Ẩn Tùng Thoại**. Qu. VII. Đổ Thiếu Lăng 2 /.

~ **Điều Khê Ngự Ẩn** nói:

Sáng tác **Luật thi** thì việc dùng chữ **bằng**, chữ **trắc** người ta vốn có **thể lệ nhất định**, mọi người đều tuân theo. Thế nhưng, **chẳng bằng** đôi lúc dùng “**Biến thể**”, cũng như trong Bình pháp dùng kỳ bình (chế ngự đối phương), biến hóa không cùng, làm cho người phải kinh ngạc, lạ lùng. Như thơ của Lão Đổ viết:

Trúc lý hành trừ tủy ngọc bàn,  
Hoa biên lập mã tốc kim an.  
Phi quan sứ giả trung cầu cấp,  
Tự thức tướng quân lễ số khoan.  
Bách niên địa tịch sài môn huỳnh,  
Ngũ nguyệt giang thâm thảo các hàn.  
Khán lộng ngư chu di bạch nhật,  
Lão nông hà hữu khánh giao hoan.

Đây là biến thể của Thất ngôn Luật thi.

[**Minh Di**.

Bài thơ dẫn trong đoạn trên của Đổ Phủ là Bài:

~ **Nghiêm Công Trọng uống giá thảo đường, kiêm huê tửu soạn, đắc Hàn tự**].

Đổ Phủ có bài “**Đăng Nhạc Dương Lôu**”, 2 câu đầu:



Tích *văn* Động *Đình* thủy,  
Kim thương Nhạc Dương Lâu.

Học giả *Vương Phu Chi* (1619 - 1692) bình trong cuốn “*Khương Trai Thi Thoại*”:

~ “*Nhạc Ký*” vân: Phàm *âm chi khởi*, tòng *nhân tâm* sinh dã, cố *đương dĩ* mục nhĩ hiệp tâm vi âm luật chi chuẩn.

“*Nhất tam ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh*” chi thuyết bất khả thị vi điển yếu.

“Tích *văn* Động *Đình* thủy”, “*văn*”, “*đình*” nhị tự câu bình, chính nhĩ chân khởi.

*Nhược* “*Kim thương Nhạc Dương Lâu*” dịch *đệ tam tự* vi *bình thanh*, vân “*Kim thương Ba Lăng Lâu*”, tác ngữ kiên nhi lệ ư thính hĩ!

/ *Khương Trai Thi Thoại*. Qu. II. Tịch Đường Vĩnh Nhật Tự Luận. Nội Biên. 20 /.

Dịch *văn*:

~ Thiên “*Nhạc Ký*” nói: “*Âm thanh khởi lên, khởi từ tâm* con *người*”, cho nên âm thanh phải thuận với tai, hòa với tâm, đây mới là tiêu chuẩn của âm luật.

[Bởi thế mà] thuyết “*nhất, tam, ngũ bất luận, nhị, tứ, lục phân minh*” không thể được coi là chuẩn tắc mẫu mực.

“Tích *văn* Động *Đình* thủy”, 2 chữ “*văn*”, “*đình*” đều thanh bằng, chính điều này làm cho câu thơ có khí lực.

Nếu như *câu* “*Kim thương Nhạc Dương Lâu*” thay *chữ thứ 3* với một tiếng *bình thanh* mà nói “*kim thương Ba Lăng Lâu*” thì đọc lên thì trúc trắc, nghe không thuận tai!

[*Minh Di*: Nhạc Dương Lâu ở đất *Ba Lăng*, nói *Ba Lăng Lâu* cũng vậy].

Mạnh Hạo Nhiên (689 - 740) có bài “*Lâm Động Đình*”, 2 câu đầu:

Bát *nguyệt* Hồ *thủy* bình,  
Hàm hư cồn thái thanh.

Học giả Vương Phu Chi bình:

~ “*Nguyệt*”, “*thủy*” *nhị tự* giai *trắc*, tự khả; *nhược* “*hàm hư cồn thái thanh*” *dịch* (易) tác “*cồn hư hàm thái thanh*”, vi nệ thanh thổ cổ (土鼓) nhi dĩ!/  
*Khương Trai Thi Thoại*. Qu. II. Tịch Đường Vĩnh Nhật Tự Luận. Nội Biên. 20 /.

Dịch văn:

~ 2 **chữ** “nguyệt”, “thủy” đều **trắc** cũng còn được; **nếu câu** “hàm hư côn thái thanh” mà **đổi lại** là “côn hư hàm thái thanh” thì (chỉ là) câu nệ ở chỗ hợp thanh luật mà thôi!

Mã Chu (? - ?) có bài “**Lăng triều phù giang lữ tư**”, 2 câu đầu:

Thái thanh **thượng sơ** nhật,  
Xuân thủy **tổng cô** chu.

2 câu này:

**Trắc, bình, trắc, bình, trắc.**  
**Bình, trắc, trắc, bình, bình.**

Chữ thứ 3 và thứ 4 của 2 câu đều là “**trắc / bình**”, thất niêm.

Vương Phu Chi (1619 - 1692) bình:

~ “Thái thanh thượng sơ nhật”, âm luật tự khả; nhược vân “thái thanh sơ thượng nhật” dĩ cầu hợp ư niêm, tác tình văn tác nhiên, bất phục năng thành giai cú!

Túc kiến phạm ngôn **Pháp** giai phi Pháp dã! **Thích** thị hữu ngôn: “**Pháp** thượng ung xả hà huống phi Pháp”.

/**Khương Trai Thi Thoại**. Qu. II. Tịch Đường Vĩnh Nhật Tự Luận. Nội Biên. 20/.

Dịch văn:

~ Câu “Thái thanh thượng sơ nhật”, luận âm luật thì còn chấp nhận được; còn nếu như (đổi lại mà) nói “thái thanh sơ thượng nhật” cho hợp **niêm** thì câu văn trở nên rã rời, và không thành (một) câu hay được!

(Như vậy thì) có thể thấy nói chung là các **Pháp** rồi đều không phải **Pháp**. **Thích Ca** có câu: “**Pháp** còn phải bỏ huống là không phải là Pháp”.

(**Minh Di:**

“Pháp còn phải bỏ huống là không phải Pháp”, câu này trong “**Kinh Kim Cương**”).

Dương Thận (1488 - 1559) đời Minh có bài “**Tái Viên Giá Cô Từ**”, 2 câu cuối:

Thùy khởi Đông Sơn Tạ **An** Thạch,  
Vị quân đàm tiêu tĩnh phong yên.

Vương Phu Chi bình:

~ “Thùy khởi Đông sơn Tạ An Thạch, vị quân đàm tiêu tĩnh phong yên” *nhược* vị “**An**” tự **thất niệm, canh vân** “thùy khởi Đông Sơn Tạ Thái phó”, thá đạp tiện bất thành hưởng.

/ *Khương Trai Thi Thoại*. Qu. II. Tịch Đường Vĩnh Nhật Tự Luận. Nội Biên. 20 /.

~ “Thùy khởi Đông sơn Tạ An Thạch, vị quân đàm tiêu tĩnh phong yên” *nếu mà nói rằng* chữ “**An**” **thất niệm, đổi lại** nói “thùy khởi Đông Sơn Tạ Thái phó”, nghe không xuôi mà âm hưởng không vang dội.

(*Phụ chú*: Chức vụ của Tạ An Thạch là Thái phó, do đó nói Tạ Thái phó cũng vậy).

*Qua* những thí dụ trung dẫn trên đây trong tập “*Khương Trai Thi Thoại*” chúng ta thấy khi bình một chữ “thất niệm” trong thơ Vương Phu Chi đều phân tích rõ tại sao thi nhân lại thất niệm? Thất niệm thì hay ở chỗ nào; ngược lại, nếu giữ đúng “niệm luật” câu thơ rồi dở ở chỗ nào!

Đề làm *việc này*, như đã thấy, ông giả thiết **thay thế** những chữ thất niệm bằng những chữ đồng nghĩa mà “đúng niệm luật” rồi luận giải hoặc **âm luật**, hoặc **ý nghĩa**, để từ đó bình chỗ hay, chỗ dở!

Thơ Đường lấy **ý làm chủ**, do đó, không chủ trương “dĩ từ hại nghĩa”, không lấy văn từ làm tổn giảm cái ý, chẳng hạn làm cho ý tưởng muốn diễn tả hoặc không rõ ràng, hoặc rã rời, hoặc đứt đoạn... , nói rõ hơn, **văn từ** có **hay đẹp**, có hợp **thanh luật**, nhưng làm suy giảm cái ý thì **giữ ý, không giữ lời**.

Mỗi sự “thất niệm” của những tác gia lớn đều có **lý do** của nó mà người bình giảng thơ phải **tìm ra lý do** đó, tức cái **tại sao** của **sự việc**. Còn như chỉ giản dị chỉ ra những chữ thất niệm trong một bài thơ thì **đây là việc mà ai cũng có thể chỉ ra được**!

Không phải chỉ Vương Phu Chi mà tất cả tác giả những tập Thi thoại đều làm như vậy!

Những tác giả này đều là những học giả nổi tiếng, và hơn nữa, lại là những thi nhân đã từng học hỏi, nghiền ngẫm phong cách của thi nhân đời Đường – mỗi tập “*Thi thoại*” là một thành quả **học hỏi của bản thân**, bởi vậy phần lớn những lời bình phẩm họ viết ra chẳng phải “hư ngôn”.

Muốn bình giảng thơ *không phải chỉ làm thơ* ~ lại làm thơ nhanh như một số kẻ thường tự hào, thậm chí vênh váo, chưa đủ, phải có chẳng những kiến thức về *thơ* mà luôn cả kiến thức nói chung, nói khác đi là phải đọc nhiều! Tóm lại:

***Ở nhà nhất chi nhĩ tôi,  
Ra đường lắm kẻ chẳng tồi như ta!***

**Kim Thánh Thán** (1608 - 1661) cuối bài phê bình bài “**Hoàng Hạc Lâu**” có đoạn viết:

~ Phả kiến úc súc tề nho chung thân *ứng tỵ u u khổ ngâm*, *đáo* đắc cái quan chi nhật, nhân dữ thu thập bộ thụ dịch đắc sở *bách, thiên, vạn* dư ngôn, *nhiên* nhi tàng bất đắc nhất hương lý tiêu nhi! ~.

/**Thánh Thán Tuyền Phê Đường Tài Tử Thi**. Thôi Hiệu. Hoàng Hạc Lâu /.

~ Ngó lại những *bọn nho sĩ tâm thường thô lỗ* một đời *bị mũi u ử ngâm nga*, tới ngày đóng nắp quan tài lại, tom góp những gì bọn này viết ra, người ta *thu* được cũng tới cả *trăm ngàn vạn* lời, *mà rồi* cũng không bằng một đũa con nít trong làng!

**Triệu Dục** (1727 - 1814), Sử học gia trứ danh đời Thanh viết:

~ Chí Đường sơ Thẩm, Tống chư nhân ích giảng câu **Thanh bệnh**, *u thị ngũ, thất Luật toại thành nhất định cách thức*, như viên chi hữu *qui*, phương chi hữu *cử*, tuy Thánh hiền phục khởi, bất năng cải dịch hĩ! Cái *sự xuất u nhân vi* giả, đại khái *nhật xu u tân*, tinh ích câu tinh, mật ích gia mật, *bản phong* hội sử nhiên. Có *tuy xuất u nhân vi*, kỳ thực tức *thiên vận* đã!

Tự hữu **Đường** nhi luận:

Kỳ thủy dã, *thượng đa tập dụng Cổ thi, bất lạc thức phược* u *qui* hành *cử* bộ trung. Tức dụng Luật dịch *đa ngũ ngôn*, nhi *thất ngôn do thiếu* – thất ngôn dịch *đa tuyệt cú*, nhi Luật thi do thiếu. Cổ “**Lý Thái Bạch Tập**” thất Luật *cận tam thủ*, “**Mạnh Hạo Nhiên Tập**” thất Luật *cận nhị thủ*, thượng bất chuyên dĩ thử kiến trường.

/**Âu Bắc Thi Thoại**. Qu. XII. Thất ngôn Luật/.

~ **Tới** buổi đầu triều Đường, Thẩm (Thuyên Kỳ), Tống (Chi Vân) mấy người cùng giảng luận, tìm cầu những *khuyết điểm* (bệnh) về **Thanh điệu**, Ngũ ngôn Luật thi, Thất ngôn Luật thi do đó rồi thành *cách thức nhất định*, như hình tròn mà có cái *qui*, hình vuông mà có cái *cử* để mà *vẽ*, tuy Thánh hiền *có sống lại* cũng không thể *sửa đổi* được! *Sự việc* tuy *xuất phát* từ *hành vi* của *con người*, nhưng, đại khái với cái *xu hướng* ngày càng *mới*, tinh thì *càng* muốn tinh hơn, chặt chẽ thì *càng* làm cho chặt chẽ hơn, sự việc vốn do *thói tục* mà khiến thành như thế.

Do đó, tuy *xuất từ hành vi của con người* mà có nhưng thực ra chính là *xu thế tự nhiên* vậy!

Lấy *Đường triều* mà luận:

Buổi đầu thì đa số còn thói quen làm *Cổ thi*, không muốn bị *bó buộc trong qui củ*. Nếu như làm Luật thi thì *đa số* là *ngũ ngôn*, mà *thất ngôn* Luật thi thì *còn ít* – và thất ngôn *đa số* là *tuyệt cú*, mà Luật thi vẫn *còn ít*. Bởi vậy trong “*Lý Thái Bạch Tập*” Thất ngôn luật thi chỉ có 3 bài, trong “*Mạnh Hạo Nhiên Tập*” luật thi chỉ có 2 bài (và 2 tác gia này) cũng không lấy đây (*Luật thi*) để thi thố cái sở trường (thi tài) của mình.

Cứ như đoạn dẫn trên thì *thấy ngay* nếu bà Huệ Thu lấy *Luật thi* để phê bình Lý Bạch làm thơ *sai Luật* là *đã lạc đường*, vì rằng *Lý Bạch đâu có làm Luật thi*, đâu có muốn để cho *Luật thi* nó “trói buộc” (*thúc phược*), Lý Bạch làm *Cổ thi* đó thôi!

[Cần nhắc ở đây: *Cổ thi* chỉ chú trọng “cú điệu”, “vận hiệp”, ít quan tâm bằng / trắc].

Tóm lại, bà Huệ Thu cứ tưởng *thơ nào* của *Lý Bạch cũng là Luật thi* do đó mà cứ lấy *cái thước Luật thi* ra mà đo, do đó mà cứ nói Lý Bạch “thất niêm, thất luật lung tung”.

Tập “*Đường Đại Thi Học*” viết:

~ Lý Bạch *thất ngôn tối thắng*, nhi *tứ ngôn* phản *thiểm* – *thử khả dĩ kỳ tôn thi* hình thể khán chi. *Cổ thi* cư thập phân chi cử dĩ thượng, *Luật thi* bất cập thập phân chi nhất –

Ngũ Luật thượng hữu *thất thập dư thủ*, Thất Luật cận *thập thủ*, nhi *nội trung* tả hữu nhất thủ chỉ lục cú.

/ *Đường Đại Thi Học*. Lý. Đỗ tĩ giáo. Lý Bạch /.

~ Thơ *thất ngôn* của Lý Bạch *hay hơn hết*, trái lại, *thơ 4 chữ* thì *thiểm cận* – điều này có thể thấy qua những thơ còn lại của ông. (Về Thơ thì) *Cổ thi* của Lý Bạch chiếm hơn 9 phần 10, *Luật thi* chưa đến 1 phần 10 (tổng số Thơ của ông) – Ngũ ngôn Luật thi còn hơn 70 bài, Thất ngôn Luật thi *chỉ có 10 bài*, trong đó lại có một bài chỉ có 6 câu.

**Minh Di:**

Ở đoạn trên tôi dẫn Triệu Dục nói “**Lý Thái Bạch Tập** thất Luật cận tam thủ” – nghĩa là “Trong **Lý Thái Bạch Tập** thất ngôn Luật thi chỉ có 3 bài”.

Ở đây cuốn “**Đường Đại Thi Học**” lại nói Lý Bạch có hơn 70 bài ngũ ngôn Luật thi, còn thất ngôn Luật thi chỉ có 10 bài – đây là vì ở thời Triệu Dục người ta chỉ gom góp được chừng ấy bài (3 bài) Luật thi, và sau đó sưu tập thêm được một số bài nữa.

Như vậy, về **Luật thi**, vừa ngũ ngôn vừa thất ngôn Lý Bạch chỉ có lời trên dưới 80 Bài.

+ Đối chiếu với tổng số **963 bài thơ** của Lý Bạch [*sẽ nói ở đoạn sau*] thì có thể nói rằng **Thi tập** của Lý Bạch là một **Thi tập** về **Cổ thi**.

Trong tập “**Âu Bắc Thi Thoại**” đã dẫn Triệu Dục có đoạn viết:

~ **Thanh Liên** thi văn tôi đa, tự **Lý Dương Băng** tác “**Tự**” thời dĩ vị **đương thời** trứ thuật “thập táng kỳ cử”; kim sở *tôn giả giai đắc chi tha nhân* vân! cô “**Tập**” trung chuyên hữu án tác, vi hậu nhân sàm nhập dã!

-/ **Âu Bắc Thi Thoại**. Qu. I. Lý Thanh Liên thi. 9 /.

~ Thi, văn của **Thanh Liên** rất nhiều, *từ* lúc Lý Dương Băng đề “**Tự**” (cho Thi Tập của Lý Bạch) đã nói những **sáng tác vào thời ấy** của ông “10 phần đã mất 9 phần”; thi văn *còn lại hiện nay đều do người khác gom góp lại* được! Do đó trong **Thi tập** rồi có những ngụy tác do người đời sau đưa loạn vào!

Căn cứ Thư pháp gia trứ danh **Lý Dương Băng** (722 - 789), chú họ Lý Bạch, đối chiếu với **số thơ** trong “**Lý Thái Bạch Toàn Tập**” hiện nay thì **số thơ** của ông rồi vào khoảng trên dưới **10,000 bài**. Khoảng **gần hết đời** Lý Bạch về *nuơng tựa* Lý Dương Băng, cho tới lúc mất. Lý Bạch qua đời Lý Dương Băng gom góp **Thơ**, văn của ông thành Tập, và viết lời đề **Tự**. (Viết tháng 11 [Âm lịch] cuối năm 762).

Trong tập Thi thoại “**Bản Sự Thi**”, Mạnh Khải (? - ?) đời Đường (618 - 907) viết:

~ Kỳ luận thi vân:

~ Lương, Trần dĩ lai, diệm bạc tư cực, Thâm Hưu Văn hựu thượng dĩ *thanh luật, tương phục cổ đạo, phi ngã nhi thù dư?*

/ **Bản Sự Thi**. Cao dật đệ tam /.

~ Ông (Lý Bạch) luận về thơ, nói rằng:

~ Từ các thời Lương, Trần cho đến nay, cái phong cách diễm lệ hời hợt (trong **Thơ**) đã cực độ, Thâm Hưu Văn lại chuộng *thanh luật, khô phục cái phong cách cổ* (trong **Thơ**) không là tôi rồi là ai đây?

[**Minh Di**]:

+ Mạnh Khải (孟榮), cuốn “*Đường Đại Thi Học*” ghi là Mạnh Triệu (孟肇) là làm lẫn.

(Tham khảo:

*Đường Đại Thi Học*. III. Thịnh Đường. Lý – Đỗ tử giáo. Trang 153).

+ Thẩm Hưu Văn tức Thẩm Ước (441 - 513), Sử học gia, Văn học gia trứ danh khoảng đầu triều Lương (502 - 557), Nam Bắc triều (420 - 589), *Hưu Văn* là tên *Tự*.

*Thẩm Ước* là *người đầu tiên* phân định phát âm Hán ngữ thành *4 thanh (tứ thanh)* – tức dấu giọng, *bình / thượng / khứ / nhập*. Đây là một chuyển biến lớn trong lãnh vực nghiên cứu âm vận học Trung Hoa. Ông soạn cuốn “*Tứ Thanh Phổ*”, đã thất truyền. Sau này từ *những phân tích* về “*tứ thanh*” của ông thi gia đời Đường (618 - 907) lập ra những qui tắc về thanh điệu trong *Luật thi*.

-----  
**Minh Di**

**Nguồn:** [https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi\\_LaiNoiChuyenDuongThi8.htm](https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi_LaiNoiChuyenDuongThi8.htm)

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

